



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý - 2008

Chuyên Đề 6:
TÌM HIỂU CON ĐƯỜNG TU CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI
(HDV: HT. Lê văn Thêm)

Bài số 5:
THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT
(Tiếp theo)

“TRUNG THỪA”

* * *

Trung Thừa là danh từ được dùng để chỉ cỗ xe giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Trung Thừa còn được gọi là Duyên Giác Thừa là tên chung của các phương pháp tu tập để đắc quả Duyên Giác Phật hay Bích Chi Phật.

Duyên Giác Phật hay Bích Chi Phật còn được gọi là Độc Giác Phật (S: pratyekabuddha, P: paccekabuddha) (1) là một vị Phật đạt giác ngộ nhờ tri kiến 12 nhân duyên, là người đạt được Phật quả do tự mình chứng ngộ.

Theo Phật Học Tự Điển thì “có khi Độc Giác Phật là danh hiệu chỉ người đạt giác ngộ trong thời không có vị Phật nào xuất hiện, và giác ngộ nhờ đạt tri kiến Mười hai nhân duyên” (2) còn được gọi là Thập Nhị Nhân Duyên. Độc Giác Thừa hay Duyên giác Thừa là một trong ba thừa (cỗ xe) để đạt Niết Bàn, và chỉ tu theo giáo pháp Thập Nhị Nhân Duyên để đắc quả.

I- GIÁO LÝ THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN.

Đây là giáo lý và giáo pháp cơ bản của Trung Thừa. Đây cũng là giáo pháp cơ bản của Tiểu Thừa ngoài giáo pháp Bát Chánh Đạo. Nói rõ hơn giáo pháp cơ bản của Tiểu Thừa gồm có trước tiên là Bát Chánh Đạo và sau đó là Thập Nhị Nhân Duyên.

Thập Nhị Nhân Duyên gồm có: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Đây là 12 khâu với nguyên nghĩa là Duyên Khởi để chỉ rõ cái lý Nhân Duyên Sinh nên được gọi là Mười hai Nhân Duyên, mà tiếng Pali gọi là Paticca Samppa~da và tiếng Sanscrit gọi là Pratitya Samupa~da. Nói rõ hơn luật nhân duyên này gồm có 12 điều kiện hay nhân duyên mà nguồn gốc là Lý Duyên Khởi dùng để chứng minh cho Lý Vô Ngã hay để chỉ rõ Lý Vô Thường.

1)- Lý Duyên Khởi.

Nguyên lý này chỉ rõ mọi hiện tượng vật lý và tâm lý tạo nên đời sống đều nằm trong một mối liên hệ với nhau. Chúng là nguyên nhân của một yếu tố này (khâu này) và là kết quả của một yếu tố khác (khâu khác). Tất cả tạo thành một vòng với 12 yếu tố làm cho các loài hữu tình cứ mãi vướng mắc và trôi lăn trong vòng lục đạo luân hồi.

2)- Lý Vô Ngã.

Lý Vô Ngã và nguyên lý Mười Hai Nhân Duyên là hai giáo lý làm rường cột cho tất cả các tông phái Phật giáo. (3)

Đối với đạo Phật, hai nguyên lý hay hai đạo pháp này quan trọng như vậy.

Còn đối với Đạo Cao Đài thì cũng không khác. Đây chính là lý do mà Đức Hộ Pháp bảo tín đồ phải lập công theo Trung Thừa trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Xin được tìm hiểu lời dạy của Đức Hộ Pháp liên quan đến câu "Phải lập công từ Trung Thừa".

II- PHẢI LẬP CÔNG TỪ TRUNG THỪA.

Xin được nhắc lại chữ "Lập công" được dùng ở đây là trong bối cảnh Tam Lập: Lập Công, Lập Ngôn, Lập Đức của Đạo Cao Đài.

Lập Công theo Đạo Cao Đài đó là công trình Thiên Nhơn Hiệp Nhứt Nho Tông Chuyển thế.

Còn nói theo Đạo Phật thì đó là làm cho phàm phu thành Phật với yếu chỉ Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai biệt.

Đây là công trình quan trọng nhất, công trình cao cả nhất của một đời tu, của một đời người. Không có công trình nào ở thế gian cần thiết bằng công trình này cả.

Vì tính cách quan trọng của công trình này mà các đạo hạnh Công phu, Công quả, Công đức và kể cả bốn hạnh lập ngôn đều là phương tiện nhằm giúp để đạt được công trình này.

Để đạt được công trình Thiên Nhơn Hiệp Nhứt hay phàm phu thành Phật theo giáo lý Trung Thừa mà Đức Hộ Pháp bảo phải lập Công, có hai khâu quan trọng nhất mà người ta phải phá cho được, ít nhất là một trong hai. Đó là Vô minh và Ái.

Để có thể phá Vô minh và Ái, xin trước tiên được lược giải mười hai nhân duyên, nhằm chỉ rõ tại sao phải phá Vô minh hay Ái thì mười một khâu khác đương nhiên sẽ bị tan rã và phàm phu sẽ thành Phật hay Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

A- GIẢI THÍCH MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN.

Mười hai nhân duyên là mười hai yếu tố cứ gây sanh tử, tử sanh, có thứ tự như sau:

1)-Vô minh.

Có nghĩa là không thấu hiểu Tứ Diệu Đế, tức không hiểu Khổ là tính chất căn bản của đời sống. Đây là một sự định nghĩa hay nói rõ hơn là một trong những định nghĩa theo Tự Điển Phật Học thiên về giáo lý Nam Tông hay Tiểu Thừa.

Với giáo lý của Đạo Cao Đài thì định nghĩa này được mở rộng hơn. Theo như lời dạy của Đức Hộ Pháp trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp đã nói đến không những Tiểu Thừa mà cả Trung Thừa và Thượng Thừa. Như vậy, chữ Vô minh phải được định nghĩa hay được hiểu trong bối cảnh của Tam Thừa hay Thượng Thừa, Tối Thượng Thừa mà cũng là Phật Thừa.

2)- Hành.

Vô minh sanh Hành. Hành có thể ở trong ba dạng là Thân, Khẩu và Ý. Đây là những hành động tạo nghiệp và những hành động này có thể tốt xấu hay trung tính.

3)- Thức.

Hành sinh Thức. Thức là nền tảng cho một đời sống tới, tức hậu kiếp hay kiếp tái sanh. Nếu tái sanh, thức này lựa chọn cha mẹ đúng theo như hành tốt xấu qui định.

Trên đây là cách giải thích chữ Thức theo Tự Điển Phật Học.

Muốn hiểu về thức được rõ hơn, cần phải nhờ vào Duy Thức Học của Đức Di Lạc, vị Phật sẽ lập Hội Long Hoa mà Đạo Cao Đài đang thờ.

4)- Danh Sắc.

Thức sanh Danh Sắc tức toàn bộ sinh lý, vật lý và tâm lý của bào thai mới do ngũ uẩn tạo thành hay gồm có ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

5)- Lục nhập hay Lục Căn.

Danh sắc sanh Lục căn là các giác quan gồm có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

6)- Xúc.

Lục căn tiếp xúc với bên ngoài gọi là xúc.

7)- Thọ.

Là nhận. Xúc sanh Thọ, nghĩa là cảm nhận của con người với thế giới bên ngoài, rồi con người nhận vào để làm của mình, gọi là Thọ.

8)- Ái.

Thọ sanh Ái. Đó là lòng ham muốn được gọi là tham ái, phát xuất từ Vô minh.

Đây là một khâu quan trọng cũng như khâu Vô minh khởi đầu 12 nhân duyên. Hễ dứt được Vô minh là dứt được 11 nhân duyên khác. Cũng như tiêu trừ được Ái là tránh được Vô minh và 10 nhân duyên khác vậy.

9)- Thủ.

Ái sanh Thủ. tức những gì mà cá nhân muốn chiếm lấy và giữ cho mình.

10)- Hữu.

Thủ sanh hữu. Hữu là có. Có đây là có ngã (thân) và ngã sở (những gì thuộc về thân), mà nói rõ hơn là những gì tồn tại với ta kể cả xác thân này, sự sống của nó và thế giới bên ngoài.

11)- Sinh.

Một cá nhân xuất hiện hằn hoi với một thế giới bao quanh. Cá nhân đó sống trong thế giới đó.

12)- Lão Tử.

Tức là có sinh rồi hoại diệt, có nghĩa là già rồi bệnh, rồi chết.

B- GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI VỀ 12 NHÂN DUYÊN.

Giáo lý Đạo Cao Đài có cách giải thích về 12 nhân duyên không hoàn toàn khác hẳn **nhưng có phần không giống với Tục điển Phật giáo.**

Về cách giải thích của Tục điển Phật giáo, cũng xin nói rõ là thuyết 12 nhân duyên được các trường phái Phật giáo cũng giải thích khác nhau, nghĩa là có sự khác biệt rõ trong cách giải thích thuyết này ngay cả trong nội bộ của Đạo Phật. (4)

Phật giáo Nam Tông hay Tiểu Thừa cho rằng thuyết này đã giải thích nguyên nhân của Khổ, và tất cả mọi pháp hữu vi đều có nguyên nhân và điều kiện mới sinh ra, nên chúng vô ngã, không có một tự tính nào. Như vậy thuyết 12 nhân duyên dẫn đến quan điểm Vô ngã. **Còn đối với Đại Thừa**, mười hai nhân duyên được sử dụng để chứng minh sự không thật của sự vật và đặc biệt trong Trung Quán Tông thì 12 nhân duyên được định nghĩa là Tánh Không (5).

Riêng với Đạo Cao Đài, giáo lý Đạo Cao Đài qua Kinh kệ giải thích 12 nhân duyên gồm cả hai tức vô thường vô ngã và tánh không của thân và tâm.

Nói rõ hơn với Đạo Cao Đài thuyết 12 nhân duyên:

- Thứ nhất chỉ rõ nguyên nhân của Khổ do tất cả mọi pháp hữu vi đều vô thường. Từ vô thường của các pháp hữu vi đi đến hệ luận là chúng đều vô ngã để cuối cùng đi đến kết luận hay dẫn đến quan niệm vô ngã cũng như Nam Tông.

- Thứ hai là thuyết 12 nhân duyên được sử dụng để chứng minh sự không thật của sự vật để đi đến kết luận là chỉ ra Tánh Không của muôn pháp mà Bắc Tông hay Đại Thừa cho là thể tính tuyệt đối tối thượng không bị hạn lượng của Nhị nguyên.

Cả hai quan niệm trên đây được giáo lý của Đạo Cao Đài dung nạp thành một, không có phân biệt tức cái này là cái kia và cái kia là cái này. Cả hai giải thích lẫn nhau và cả hai bổ túc ý nghĩa cho nhau chớ cả hai không có đối chọi nhau. Đó là "Nhược thiệt nhược hư" và "Thị không thị sắc" được ghi nơi Ngọc Hoàng Thượng Đế kinh trong giáo pháp Tứ Thời Nhật Tụng.

Ngoài ra, giáo lý này của Đạo Cao Đài cũng được tìm thấy từ Tam Trấn Oai Nghiêm được thờ trên Thiên Tượng.

Trên Thiên Tượng có thờ Tam Trấn thì Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài Tam Kỳ Phổ Độ lại chính là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát của Nhị Kỳ Phật giáo.

Theo Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm tức Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thì thân tâm tức bất cứ mỗi một con người nào cũng đều là VÔ NGÃ và cũng là TÁNH KHÔNG. Chơn không mà diệu hữu.

Thật vậy, Bát Nhã Tâm Kinh có nói rõ rằng: "Quán Tự Tại Bồ Tát (tức đức Quán Thế Âm) hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách" nghĩa là ngũ uẩn của mỗi một con người gồm có sắc (thân) thọ, tưởng, hành, thức (tâm) đều là không, tức **ngũ uẩn hay thân tâm bất cứ người nào bản tánh của nó cũng vốn là không**, cũng có nghĩa là vô ngã, và VÔ NGÃ nói đây cũng là TÁNH KHÔNG của ngũ uẩn hay nói rõ hơn ngũ uẩn tức thân tâm này vì bản tánh của nó vốn là TÁNH KHÔNG nên nó là VÔ NGÃ.

(Muốn tìm hiểu thêm về sự giải thích này, xin tham khảo Bài "Hồi Quang Phản Chiếu" của cùng tác giả trên website www.banthedao.org - Mục Giáo Lý / Nghiên cứu Giáo Lý)

Nói tóm lại:

- Với Đại Thừa thì nói là TÁNH KHÔNG

- Với Tiểu Thừa thì nói là VÔ NGÃ

- Còn với Đạo Cao Đài thì VÔ NGÃ và TÁNH KHÔNG chỉ là một, vì vô ngã chính là tánh không của ngũ uẩn, tức thân tâm của mỗi một con người như Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm tức Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã dạy.

C- KẾT LUẬN VỀ GIÁO LÝ 12 NHÂN DUYÊN VỚI ĐẠO CAO ĐÀI:

Trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp dạy phải lập công từ Trung Thừa, mà giáo lý của Trung Thừa là giáo lý Thập Nhị Nhân Duyên.

Giáo lý Thập Nhị Nhân duyên là tên chung của các phương pháp tu tập để đắc quả Độc Giác Phật.

Độc Giác Phật hay Duyên Giác Phật là những vị Phật đạt giác ngộ nhờ tri kiến 12 nhân duyên (7), thấy rõ lý vô thường của chúng sinh cũng như vạn vật để nhờ đó biết buông bỏ và tỉnh thức rồi tu đắc quả. Nói rõ hơn, việc đắc quả của Duyên Giác hay Độc Giác là nhờ ở sự tri kiến được lý vô thường.

Chính lý vô thường được nói trên đây mà Đức Hộ Pháp muốn dạy tín đồ Cao Đài lập công để đạt công trình Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, cũng có nghĩa là **qui hồi cựu vị tức trở lại Bạch Ngọc Kinh hay Niết Bàn bằng cách tu thông qua giáo lý Duyên Khởi Vô Thường Vô Ngã "Nhược thiệt nhược hư", "Thị không thị sắc", được ghi nơi Ngọc Hoàng Thượng**

Đề Kinh trong giáo pháp tứ thời nhật tụng của tôn giáo Cao Đài.

Nói rõ hơn, đây là giáo lý chỉ rõ cách tu đạt đạo, chẳng phải riêng của Nhị Kỳ hay Tam Kỳ Phổ Độ, mà giáo lý này sẽ mãi mãi là Chân Lý cho mọi người tu, qua mọi thế hệ, mọi a tăng Kỳ Kiếp.

Giáo lý này trước tiên nói lên sự Vô Thường, Vô Ngã và Tánh Không của vạn vật hữu vi, để rồi kế tiếp theo đó chỉ cho người đời tận **diệt Vô minh do thấy rõ tánh vô thường, vô ngã và không của vạn pháp**, để từ đó mới có thể tu và đạt đạo.

Như vậy, muốn tu đạt Đạo thì điều cần thiết trước tiên là người tu phải diệt được Vô minh. **Phải tiêu trừ được Vô minh thì người tu, bất cứ tôn giáo nào, mới tu đạt được Đạo, dù rằng với Nho giáo có lòng Nhân, Phật giáo có lòng Từ Bi và Thiên Chúa giáo có lòng Bác ái**, đây là ba tấm lòng, tuy ba mà một, đương nhiên có khả năng diệt được Vô minh, nhưng cho mãi đến ngày nay chưa có sách nào hay tài liệu giáo lý nào khai triển diễn tiến tâm lý đưa đến tâm chứng và thực chứng tiến trình tâm duyên này, chỉ riêng trong Đạo Cao Đài, Đức Hộ Pháp bảo phải dùng tình thương để diệt Vô minh đạt đạo, **căn cứ vào lời dạy của Đức Chí Tôn nói rằng: "Sự thương yêu là chìa khóa để mở cửa Bạch Ngọc Kinh"**.

Như vậy, tóm lại để cho vấn đề dễ sáng tỏ nhằm tận diệt được Vô minh, trước nhất, xin được hỏi Vô minh là gì?

1. Định nghĩa Vô minh:

Chẳng khác chữ Niết Bàn, chữ Vô minh được dùng trong Đạo Cao Đài cũng có ý nghĩa như trong đạo Phật.

Vô minh có nghĩa là không sáng, tức còn mờ tối, còn u mê, tức mê lầm.

Đây là định nghĩa thông dụng nhất của chữ Vô minh mà người đời, tôn giáo, các bộ phái hay tông phái đều chấp nhận. Mặc dù vậy nhưng khi chữ Vô minh đi vào từng chi phái, tông phái, bộ phái thì ý nghĩa của nó, dù không khác biệt hẳn, nhưng lại được từng bộ phái hay chi phái giải thích cho phù hợp với pháp tu của mình.

Chẳng hạn như **Nam Tông hay Tiểu Thừa thì cho rằng Vô minh là không hiểu Tứ Diệu Đế, không hiểu nguyên lý Nghiệp hay Nhân quả**, để rồi từ đó Vô minh được xem là gốc của mọi bất thiện ở thế gian, và cũng là nguồn cơn hay đặc tính đưa đến KHỔ.

Lý do là vì **Vô minh sinh ra ÁI, với ý nghĩa là ÁI DỤC**, mà ái dục là yếu tố cơ bản của sự tái sanh, tức là nguồn gốc của sinh tử luân hồi.

Còn đối với **Trung Thừa hay Đại Thừa thì Vô minh có nghĩa là không nhận biết được tính duyên hợp, tính vô thường, hay tính Vô Ngã cũng như TÍNH KHÔNG của thân tâm và muôn pháp**.

Nói một cách tổng quát thì Vô minh là không thấy thể tính thật sự của ngã và pháp, mà thể tính thực sự đó là TÍNH KHÔNG (Đại Thừa) và tính không của ngũ uẩn hay thân tâm thì chẳng gì khác hơn, đó là VÔ NGÃ (Tiểu Thừa).

Riêng với Đạo Cao Đài, Vô minh được hiểu là mê lầm, với ý nghĩa của cả Tiểu Thừa, Trung Thừa và Đại Thừa. Điểm này đã có ghi rõ trong Kinh, do đó mà Đức Hộ Pháp mới bảo phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Thượng Thừa là vậy.

Mặc dù ý nghĩa của chữ Vô minh trong giáo lý của Đạo Cao Đài quá rộng như vậy, nhưng trong phạm vi bài viết này, vì lý do thời lượng của chương trình Giáo lý, người viết chỉ đề cập đến ý nghĩa từ Vô minh và làm cách nào để phá Vô minh chỉ ở trong phạm vi của lý vô thường, vô ngã do duyên hợp mà thôi, để làm sao có thể thực hiện được lời dạy của Đức Hộ Pháp về cách lập công trình Thiên Nhân Hiệp Nhất tức cách tu theo Đạo Cao Đài.

Còn chữ Vô minh với ý nghĩa là chẳng thấy Tánh không hay chưa thấy Phật nơi mình sẽ được luận bàn đến sau, khi nói đến Đại Thừa và Thượng Thừa.

Tổng quát mà nói, theo như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong kinh Giải Oan thì Vô minh đó là:

“Dòng khổ hải hể thường chìm đắm.
Mùi đau thương đã thắm Chơn Linh.
Dây oan xe chặt buộc mình,
Nhấp như lục đục thất tình nhiễm thân.

Chịu ô trước Chơn Thần nặng trĩu,
Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm.
Phong trần quen thói cung âm,
Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lằm Phong Đô.

Phải lạc lằm Phong Đô vì con người bất cứ ai nếu vẫn còn Vô minh, vẫn còn mê lằm tham đắm xác thân, thì chắc chắn dòng khổ hải sẽ vẫn thường chìm đắm, và mùi đau thương, tức là phiền não khổ đau sẽ luôn luôn thắm mãi Chơn Linh, làm cho nhiễm ô Thánh Tâm hay Phật Tánh của mình.

Sở dĩ có tình trạng này, tức tình trạng **“giây oan xe chặt buộc mình, nhấp như lục đục thất tình nhiễm thân, chịu ô trước Chơn Thần nặng trĩu”** là tại vì con người chẳng chịu đem báo thân của mình ra mà tu để trở về với nguyên căn nguồn cội.

Nói tóm lại, những gì mà Đức Hộ Pháp muốn dạy qua những câu kinh mà Ngài ban cho tín đồ trên đây đó là Ngài muốn nói với nhơn sanh rằng chỉ vì Vô minh mà con người phải đau khổ, phải “Thiên Cung lỡ lối chơi với cảnh trần” (Kinh Giải oan).

Mà Vô minh có là do đâu?

Đó là do mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm, có nghĩa là không chịu thấy Thánh Tâm, Phật Tánh của mình, tức cái “Linh trong cái Sống” này, “ông Trời, ông Phật trong con Thú” này, mà trái lại vì Vô minh do ngũ dục, lục trần lôi cuốn mà cứ cho xác thân này là thật, con thú này là thật, có nghĩa là hoàn toàn mê lằm về xác thân thú chất vật hình này mà Đức Phật Thích Ca vào thuở Nhị Kỳ đã định nghĩa chữ “Vô minh là thấy xác thân này là thật.”.

Mà xác thân này có thật không? Để trả lời, xin đọc qua phần khảo luận về tu thân đăng trong Tập San Thế Đạo từ số 21 đến số 32.

2- Diệt Vô minh:

Muốn tu đạt được Đạo thì phải diệt Vô minh, hay nói rõ hơn là phá tan Vô minh mê lằm. Nhưng làm sao để phá được mê lằm? Đức Hộ Pháp có chỉ rất rõ.

Đức Ngài thấy rõ rằng xác thân này vốn là huyền hóa duyên hợp và vô thường. Vì thế nên bất cứ người tu nào mà còn tham đắm xác thân này, còn thấy xác thân này là thật, thì đó là người vẫn còn mê lằm hay Vô minh.

Mặc dù vậy, mặc dù xác thân này là vô ngã, là chơn không nhưng nó cũng lại là diệu hữu. Do nó diệu hữu mà Ngài mới dạy tín đồ phải nương xác thân này để mà tu, thế nên Đức Ngài mới nói thẳng với nhơn sanh rằng “Vòng xây chuyển luân hồi tấn hóa”, nhơn sanh phải “Nương xác thân hiệp ngã Càn Khôn” (Kinh Giải Oan), tức nhơn sanh phải nương vào xác thân này để lập công trình Thiên Nhơn Hiệp Nhất, nghĩa là tu để thành Trời, thành Phật, qua giáo pháp phá Vô minh do thấy vô ngã mà đó cũng là giáo pháp của Phật giáo Nam Tông, tức Tiểu Thừa vào thuở Nhị Kỳ Phổ Độ.

Đức Ngài bảo tín đồ nói riêng hay nhơn sanh nói chung phải lập công trình cũng như Tiểu Thừa hay Trung Thừa đã lập vào thuở Nhị Kỳ. Đó là tu theo **giáo pháp rõ vô thường, thấy vô ngã, phá Vô minh**, một giáo pháp không phải của riêng Nhị Kỳ hay Tam Kỳ Phổ Độ, mà là một giáo pháp ngàn đời vẫn luôn luôn là Chân Lý, do đó mà để siêu thăng hay giải thoát thì bất cứ người tu nào cũng cần phải dụng công để tu tập.

Nói rõ hơn, theo Đức Hộ Pháp, muốn phá được Vô minh thì phải thấy rõ thân tâm này, tức ngũ uẩn này - theo như lời của Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm Cao Đài - thì quả thật là vô ngã, nó quả thật là Chơn không nhưng Diệu hữu.

Cái xác thân này nó diệu hữu vô cùng nếu ta biết dùng nó. Nó diệu hữu ở chỗ nhờ có nó mà ta mới có thể tu, nhờ có nó mà mới có thể nương vào đó mà "hiệp ngã với Càn Khôn". Nó diệu hữu và diệu dụng như vậy.

Chúng ta có thể nhờ vào sự hiện hữu của sắc thân vô thường duyên hợp, vô ngã này mà biến Thú thành Trời, làm cho phàm phu thành Phật, nhưng dù sao chúng ta cũng đừng quên rằng bản thể của nó vẫn vốn là **"Không"**.

Nó từ cát bụi thì trở về với cát bụi. Nó không có tự thể cố định, vĩnh hằng, nó là cái trăm năm là tuổi chết rồi chôn. Như vậy ta phải biết làm cho nó diệu dụng. Nó sẽ diệu dụng khôn lường nếu ta biết đem nó ra mà phục vụ Vạn linh, phục vụ để tự lợi rồi lợi tha; phục vụ bằng cách tự tin rồi tha tín, tự giác rồi giác tha.

Tóm lại, chúng ta muốn được siêu thăng giải thoát theo như lời Đức Hộ Pháp dạy thì chúng ta phải lo phục vụ Vạn linh bằng mọi cách. Phục vụ nếu chẳng làm gì được bằng sức lực hay hành động, thí dụ nếu ta ốm đau hay khuyết tật chẳng hạn, nhưng chỉ cần ta có tình thương, thương yêu chân thành với tâm Từ Bi, lòng Nhân Ái thì như thế cũng là quý lắm rồi. Tình thương của chúng ta càng cao cả chừng nào, càng vị tha chừng nào thì lại càng trải rộng ra không gian chừng nấy. Tình thương đó sẽ tương ứng, tương nhập, tương hòa, tương hợp với tình thương của tất cả mọi người, làm chúng ta và mọi người thương nhau thì làm sao nào phiền không xóa được, làm sao đau khổ chẳng tiêu trừ.

Đức Hộ Pháp dạy như vậy. Đức Ngài dạy ngay trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống khi bảo rằng Đức Chí Tôn đã nói "Sự Thương Yêu là chìa khóa để mở cửa Bạch Ngọc Kinh".

Tình thương vị tha cao cả và diệu dụng như vậy.

Tâm Từ Bi, lòng Nhân Ái, tâm Bác Ái diệu dụng vô cùng. Đạo Cao Đài đã dạy như vậy khá rõ ràng. Chữ **"Amour"** vẫn luôn luôn hiển hiện và chiếu sáng nơi Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh Tây Ninh cũng như Tiền đình các Thánh Thất. Tại sao chúng ta lại chẳng thương yêu nhau?

Thương Yêu nhau **chỉ cần thương yêu với tâm vị tha, nhiều ích hữu tình, phục vụ Vạn linh thì Vô minh sẽ đương nhiên được phải sạch, không cần dụng công tu theo cách tu nào khác cả.**

Đạo Phật có hai Giáo Pháp chính yếu và quan trọng nhất, đó là Từ Bi và Trí Tuệ, mà trong đó Từ Bi đứng trước, Trí Tuệ đứng sau, nghĩa là muốn phá Vô minh mê lầm, muốn đạt Đạo thì Từ Bi đi trước, Trí Tuệ đi sau.

Từ Bi coi dễ, nói nghe dễ tưởng như dễ mà lại khó. Còn Trí Tuệ khi tìm hiểu thấy khó, nhưng khi hiểu được rồi thì dung để phá Vô minh, để đạt Đạo lại chẳng khó.

Phá Vô minh qua Trí Tuệ thì có thứ lớp; còn phá Vô minh bằng Từ Bi thì bâng bạc trừu tượng và bao la.

Trong bao la và trừu tượng, bâng bạc thì phần lớn hầu hết ai ai cũng rất dễ lạc đường, tức khó giữ mãi sự hằng tâm, mà nói nôm na là tình thương dễ mòn mỏi.

Phá Vô minh bằng Từ Bi tuy dễ mà khó.

Phá Vô minh bằng Trí Tuệ khi mới bắt đầu thấy khó nhưng sau lại dễ.

Đức Hộ Pháp có dạy cả hai.

Về Từ Bi thì Ngài nương theo lời dạy của Đức Chí Tôn để khuyên dạy Tình thương. Đó là tình thương vị tha, cũng có nghĩa là Tâm Từ Bi, Đạo Nhân Ái, hay lòng Bác Ái được biểu trưng bằng chữ Amour của Đạo Cao Đài có được trình bày với phần Khảo luận về “Thiên Nhân Hiệp Nhất” (Dieu et Humanité - Amour et Justice) của cùng tác giả.

Còn về Trí Tuệ, thì Ngài dạy trong Bí Pháp.

Trong Bí Pháp, Đức Hộ Pháp đã chỉ cách phá Vô minh.

Ngài dạy phá Vô minh bằng cách phá chấp Ngã và chấp Pháp (Xin đọc Tập san Thế Đạo số 42 và các số kế tiếp)

Phá chấp Ngã và chấp Pháp bằng cách thấy Ngã Không và Pháp Không.

Thấy Ngã Không thì sẵn sàng dâng hiến nó cho Đức Chí Tôn để phục vụ Vạn linh (Bí Pháp dâng Tam Bửu)

Phục vụ khi nào xong tức “bổn phận làm xong thì Thầy cho con về nghỉ” tức là khi đó sẽ về với Đức Chí Tôn mà trong quyển Bí Pháp với lần Thuyết Đạo đêm 29-5 Kỷ Sửu (1949) tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp có nói như sau: “Giờ phút này người tu là đem thân làm nô lệ cho nhân loại. Có vui sướng gì với kiếp sanh mà cần phải sống . . . **Tưởng tượng cái chết của ta là buổi nghỉ ngơi, buổi hết cực. Cái chết ấy chẳng phải do mình mà do nơi Đức Chí Tôn định, là tới buổi Đức Chí Tôn nói các con đã làm xong phận sự, Thầy cho con về”** (8).

Về với Đức Chí Tôn đó là đấng mà người thế gian quen gọi là chết.

Người tu nếu cố dụng công tu, tu đúng và tận tâm tu thì ngày ra đi tức là ngày trở về với Đức Chí Tôn cũng có nghĩa là đạt Đạo, mà chết chỉ là danh từ người đời thường dùng để chỉ cho sự xa rời trần thế đó thôi. Nói rõ hơn, bất cứ ai, nếu tu và thật sự tu thì không có gì mà phải sợ chết cả. Người tu và tu đúng thì hậu kiếp chắc chắn sẽ hơn hẳn hiện đời.

Chẳng được hoàn toàn giải thoát thì cũng siêu thăng Thiên Đàng liền đến sẽ được:

“Đã quá chín tầng Trời đến vị,
Thần đặng an tịnh khí cũng an.
Tầng Trời gắng bước lên thang,
Trông mây nhìn lại cảnh nhân buổi xưa . . .”

Hay ít nhất cũng cò giữ lại kiếp làm người để mà hưởng phước, để mà tu nữa. Ai tu mà còn sợ chết, đó là tu sai, hay dụng công chưa tới, hoặc vẫn còn quá chênh mảng trong việc tu đó mà thôi.

Tu là phải dụng công phá Vô minh để tự giác và tiếp theo đó là dụng công phục vụ Vạn linh tức giác tha, độ tha đó vậy.

Dụng công phục vụ Vạn linh, theo như lời Đức Hộ Pháp dạy, bằng cách sẵn sàng hiến dâng xác thân này với toàn tâm toàn ý, tức thâm tâm không còn Vô minh mê lầm mà đã giác ngộ thấy rõ Chơn lý, thấy rõ Trời Phật tìm ẩn ở trong ta, cố tu để thực hiện Phật Trời từ nơi ta.

Thiên Nhơn Hiệp Nhất là vậy. “Dieu et Humanite” là vậy.

Cả hai là một. Thú là ta, phàm phu là ta mà Trời Phật cũng là ta. **“Triết lý thất tình duy chủ, muốn làm Thú, làm phàm phu thì làm, muốn làm Trời làm Phật thì làm”** .

Đức Hộ Pháp đã nói như vậy.

Như vậy là hiện thời trong khi cúng Tứ Thời và Dâng Tam Bửu, chúng ta nên nhớ luôn luôn tinh thức để hiến dâng xác thân, trí não và linh hồn.

Đây là một cách dụng công để thực hiện Trời Phật có sẵn ở chúng ta.

Để kết luận cho lời dạy của Đức Hộ Pháp bảo phải lập công từ Trung Thừa, đó là trong giáo Pháp Mười hai Nhân duyên gồm có 12 khâu, phải làm sao trước nhất, **phá cho tan khâu**

Vô minh thì đương nhiên các khâu kia sẽ tự nhiên tan rã hết. Con đường tử sanh sẽ chấm dứt, luân hồi sẽ ngừng lại, tức người tu thực hiện được Trời Phật nơi mình, có nghĩa là đạt Niết Bàn, đạt Đạo.

CƯỚC CHÚ:

- (1) Tự điển Phật Học - Ban biên dịch Đạo Uyển- NXB Tôn Giáo - VN 2006, trg. 80.
- (2) Ib-trg. 209
- (3) Ib trg. 372
- (4) Ib trg. 372
- (5) Ib trg. 372-373
- (6) Ib trg. 209
- (7) Ib trg. 209
- (8) Bí Pháp - Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp - Tòa Thánh Tây Ninh, Thánh Thất Tộc Đạo Westminster - USA - 1998, trg. 36

(HDV: HT. LÊ VĂN THÊM)

(Xin xem Bài Đọc Thêm)

HẾT



**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH**

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý - 2008

BÀI ĐỌC THÊM

* Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 5
Chuyên Đề 6: **"Tìm hiểu con đường Tu của Tín đồ Cao Đài"**

" THAM ÁI - SÂN HẬN - SI MÊ "

Tác giả: HT. Lê Văn Thêm tự Bạch Y

(Bài được đăng trong Tập San Thế Đạo số 19 tháng 7-2003, trg. 18-36)

Mục đích của việc giữ gìn Giới cấm là để cho con người tránh được tham lam. Chính tham lam đã làm cho chơn tâm con người mờ tối, niệm niệm dấy lên, vọng trần bao phủ.

Vì bị vọng trần bao phủ nên con người sanh ra chấp trước và càng tham đắm. Sự tham đắm này, một khi bị cản trở hay không được thỏa mãn, con người dễ trở nên điên đảo, từ đó

sanh ra Sân hận và Si mê.

Si mê, Sân hận và tham lam mà thông thường người đời gọi tham, sân, si, là ba thứ độc đã cản trở bước đường tu hành không biết bao nhiêu người, và cũng chính **tam độc** này đã khiến con người làm bao nhiêu điều tội ác, tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp chướng lành.

Càng ham muốn con người càng tham lam. Nói khác hơn là dục vọng đã đánh động lòng tham, rồi cũng chính dục vọng đã làm con người đảo điên mê muội.

Để diễn tả sự đảo điên, mê muội do Tham ái, Sân hận, Si mê gây ra, đã có nhiều câu chuyện, thí dụ và hình ảnh trong dân gian, thoát nghe qua đường như vô lý, nhưng nếu nghiền ngẫm kỹ, nhìn kỹ lại hay nhớ kỹ lại những gì mình đã chứng kiến hay đã trải qua, thì chắc nhiều người sẽ tự hỏi không biết vì sao mà khi bị mê mờ bởi dục vọng, khi quá đảo điên vì Sân hận con người có thể làm được những việc như vậy.

Sau đây là những câu chuyện liên quan đến tham, sân, si.

I- THAM LAM.

Nói về tham lam, sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư có câu chuyện như sau: Tý và Sửu là đôi bạn thân, Một hôm trên đường đi dạo chúng nhặt được một quả bứa. Cả hai giành nhau, ai cũng bảo quả bứa là của mình. Tý nói nó thấy quả bứa trước nên quả bứa đó thuộc về nó. Sửu cãi lại rằng chính tay nó nhặt được quả bứa đó nên quả bứa đó là của nó. Cả hai cứ cãi nhau mãi đòi được nguyên vẹn quả bứa, chớ không chịu chia nhau ăn.

Vừa lúc đó có Giáp đi ngang qua. Thấy hai đứa cãi nhau Giáp bèn phân xử. Giáp chẻ quả bứa ra làm hai và bảo rằng công của Tý thấy trước và Sửu nhặt được, vậy mỗi đứa được phân nửa vỏ quả bứa. Còn ruột quả bứa thì thuộc về Giáp vì Giáp có công phân xử. Nói xong Giáp để ruột quả bứa vào miệng ăn. Tý và Sửu dù không đồng ý nhưng cũng phải đành chịu vì Giáp lớn hơn, cả hai không làm sao đánh lại.

Câu chuyện trên cho thấy chỉ vì lòng tham: tham tiền, tham sắc, tham danh, tham ăn uống, tham ngủ nghỉ tức **tham ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù** mà người ta bị mất mát và phải hứng chịu phiền não. Chính lòng tham để làm cho con người mê muội. Tham ái dục vọng đúng là nhân tố gây khổ đau. Ngày giờ nào con người xa lìa được tham lam là ngày ấy phiền não và khổ đau sẽ không còn nữa. Câu chuyện kể tiếp sau đây cho thấy do tránh được tham lam, xa lìa được ngũ dục mà phiền não và khổ đau không làm sao có được.

Vào đời nhà Đường bên Tàu, có một vị mà người đương thời thường gọi là Lữ Công, quê ở Hà Dương. Tên thật của Lữ Công là Lữ Đồng Tân. Lữ Đồng Tân sanh trong một gia đình giàu có, dòng họ nhiều người làm quan. Lữ Công cũng muốn tiếp nối sự nghiệp cho ông, học để làm quan, nên nhiều lần đi thi Trang Nguyên nhưng không đỗ đạt. Ông chán nản bỏ học, đi dạo chơi đó đây.

Một ngày nọ ông đến núi Hoa Sơn. Tại đây ông gặp Hán Chung Ly, một tướng của nhà Tần đang chạy đến đó tránh nạn và học được phép Tiên. Hán Chung Ly khi gặp Lữ Đồng Tân muốn độ Tân tu Tiên nên dùng tài thí để thử Tân.

Một hôm, nhân khi Lữ Đồng Tân đứng hầu một bên, Hán Chung Ly bèn nhặt một hòn đá rồi lấy thuốc bôi lên, làm phép để hòn đá đó biến thành một cục vàng ròng. Xong Hán Chung Ly đưa cho Lữ Đồng Tân và bảo cất để chi dụng khi hữu sự. Tân hỏi Ly vậy chớ cái này có bị hư hoại không. Ly bảo phải sau 500 năm mới hoại. Lữ Đồng Tân bèn liệng bỏ cục vàng giả đó và nói rằng nó chỉ để làm kích động lòng tham và gây lầm cho kẻ khác, tức dùng nó để gạt người chỉ vì lòng tham.

Dùng vàng thử Tân nhưng thấy Tân không tham tài, Hán Chung Ly bèn dùng sắc đẹp. Một lần nọ Ly sai Tân lên núi hái thuốc. Trên đường đi của Tân, Ly biến hóa ra một túp lều tranh xinh xắn trong đó có một thiếu nữ đang cư ngụ. Khi Tân đến gần thiếu nữ ra chào đón và

mời mọc vào nhà. Thiếu nữ cười cợt lả lơi và tâm tình rằng thân lẻ loi một mình ở nơi hoang vắng thấy cô đơn quá, vì chồng nàng đã mất từ lâu, nay gặp quân tử xin đừng ruồng bỏ. Nàng vừa nói vừa tiến gần lại Lữ Đồng Tân và nắm lấy tay Tân. Tân gạt tay ra và bảo chớ đem nhan sắc mê hoặc ta. Tân vừa nói xong thì thiếu nữ biến mất và hiện ra đó là Hán Chung Ly.

Câu chuyện này cho thấy chỉ vì không tham lam ngũ dục mà Lữ Đồng Tân không bị đọa mà còn được Hán Chung Ly dạy dỗ cách tu Tiên và trở thành một trong tám ông Tiên mà người đời thường gọi là Bát Tiên đó vậy.

II- SÂN HẬN.

Câu chuyện kể tiếp liên quan đến Sân hận:

Có một gia đình nọ gồm có ông nội, đứa con trai và đứa cháu nội, con của đứa con trai. Một hôm đứa con trai ra đồng làm ruộng. Ở nhà chỉ có hai ông cháu. Ông đưa cháu hai đồng bạc lẻ và hai cái chén bảo đi ra quán mua một đồng nước mắt và một đồng dầu phộng. Đứa cháu cầm hai cái chén và hai đồng bạc ra đi. Một hồi lâu sau, đứa cháu quay trở về nhà và hỏi: "Ông ơi, đồng nào mua dầu phộng, đồng nào mua nước mắt?" Ông nội giận thẳng cháu sao mà ngu muội quá, bảo rằng đồng nào mua hồng được, và la nó bảo nó đi mua về cho mau. Đứa cháu vội ra đi và đi được một lúc lâu sau lại trở về nữa và hỏi thêm rằng: "Ông ơi, chén nào đựng nước mắt, chén nào đựng dầu phộng?" Ông già giận thẳng cháu sao quá ngu nên rút roi đánh thẳng nhỏ.

Vừa lúc ấy, cha của đứa bé tức con trai của ông già từ ngoài ruộng trở về. Trong lúc mệt nhọc và thấy ông già đánh con mình nên tức giận bèn lấy roi dóc đánh trâu quất túi bụi vào đầu, chân và mình mẩy của mình, vừa đánh vừa nói rằng: "Ông đánh con tôi, tôi đánh con ông cho ông biết."

Ông già trong cơn tức giận, thấy vậy càng tức giận thêm bèn la lên rằng: "Mày dám đánh con tao, mày tính giết con tao, vậy tao giết cha mày cho mày thấy." Nói như thế xong, ông leo lên bàn thắt một cái vòng vào trần nhà để treo cổ tự tử.

Nghe câu chuyện này có người không khỏi nực cười. Câu chuyện có tính cách trào lộng, giả tưởng và vô lý. Quả thật, nó có vô lý đối với người tỉnh, tâm tịnh, tâm bình. Nhưng nó sẽ là sự thật đối với ai lòng tràn đầy, dục vọng, tham lam và Sân hận. Con người khi đã nổi sân thì mê mờ và điên đảo, không còn có thể tự kiểm soát được mình nữa, do đó họ có thể làm những việc mà khi tỉnh lại họ cũng không biết tại sao mình đã có thể làm như vậy được. Cái mà người đời cũng như người tu lo sợ nhất đó là tâm sân. Vì lý do này nên mới có câu: "Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai" hay "Một niệm sân đốt cháy cả rừng công đức", mà sự thật đã chứng minh là có nhiều người đã tạo được bao nhiêu phước, làm được bao nhiêu điều lành, thế mà chỉ vì một lúc điên đảo do Sân hận phải tiêu tan tất cả.

III- SI MÊ.

Câu chuyện thứ ba được kể liên quan đến đệ tam độc Si mê, còn được gọi là mê mờ, u tối, ngu si hay nói theo tiếng nhà Phật là Vô minh.

Chuyện như sau: Thuở nọ, ở một xứ xa xôi kia, có một ngôi nhà bỏ hoang từ lâu. Tín đồn rằng trong nhà ấy có quỷ dữ khiến ai cũng sợ mà không dám đến gần.

Một hôm, có một người từ phương xa đến, nghe nói như vậy bèn bảo rằng mình không hề sợ và sẽ vào nhà đó ngủ lúc ban đêm. Anh ta vào nhà ấy thật và ở lại ngủ.

Trong lúc đó, tình cờ cũng có một người khách thứ hai đến. Người này cũng như người trước, cũng tuyên bố mình không sợ ma quỷ gì cả và cho biết cũng sẵn sàng vào nhà đó ngủ

lúc ban đêm.

Đêm xuống, người thứ hai đến mở cửa vào trong lúc người thứ nhất đã ở sẵn trong nhà. Người thứ nhất tưởng là con ma đi đâu về nên không cho vào và chặn cửa lại không chịu mở. Người thứ hai thấy cửa bị chặn lại, không chịu cho mở, tưởng rằng có con ma ở trong nhà đang chặn cửa, do đó cố gắng sức mở cửa ra để đánh con ma. Hai bên dẫn co mãi đến một lúc sau người thứ hai xô ngã cửa và vào được trong nhà. Vì tưởng người thứ nhất đang ở trong nhà là con ma nên người thứ hai khi vào được liền xông tới đánh túi bụi. Người thứ nhất ở trong nhà tưởng là con ma về và vào được đánh mình nên cũng hăng hái đánh lại. Hai người quần thảo nhau suốt đêm đó cho đến khi trời sáng thì cả hai mới vỡ lẽ ra rằng cả hai đều là người chớ nào phải là ma.

Câu chuyện trên đây được rút ra từ Kinh Bách Dụ của Đạo Phật. Qua câu chuyện này Phật muốn đưa ra thí dụ người mê lầm hay Vô minh cũng giống như người ở trong đêm tối. Vì ở trong tăm tối mê mờ nên cái giả mới tưởng là cái thật, cái vọng cứ tưởng là chơn để rồi cái chơn, cái thật lại không làm sao nhận ra được. Vì không nhận ra được người thật mà cứ tưởng là ma, là người giả nên hai bên mới liều sống chết đánh nhau chí tử. Đó là do đêm tối mịt mờ không thấy rõ thật hư, giống như người mê lầm, Vô minh, không làm sao nhận ra được đâu là Chơn, đâu là Vọng. Sự mê muội, Vô minh nó tai hại như thế.

Cũng trong Kinh Bách Dụ, có một chuyện khác:

Có một anh chàng nọ, một hôm cha mẹ đi xa dặn dò ở nhà phải chớ kỹ coi chừng cửa nẻo. Anh vâng lời và khi cha mẹ vắng anh ở nhà cứ ngồi nhìn mãi cánh cửa chánh và hai cánh cửa sổ vì sợ nó mất. Sau vài ngày, một hôm có một gánh hát bội dời đến hát ở đình làng kế cận nhà anh. Anh rất ham coi hát và nghĩ ra một cách mà anh cho là vẹn toàn. Chiều hôm đó, anh gỡ cánh cửa chánh và hai cánh cửa sổ ra rồi khuân đến rạp hát ngồi trên đó coi hát. Anh nghĩ như vậy là anh đã trông coi cửa nẻo kỹ lắm rồi. Kết quả là sau khi vắng hát ra về, nhà anh ba cánh cửa vẫn còn nguyên nhưng đồ đạc trong nhà đều biến mất.

Trên đây là câu chuyện của một người mê mờ, ngu muội, Vô minh. Câu chuyện có vẻ không hữu lý nhưng được rút ra từ kinh Phật. Đại để, Phật muốn cho biết là khi con người đã mê mờ, tăm tối, ngu muội, Vô minh con người có thể làm nhiều việc mà đối với người tỉnh giác thì không làm sao tưởng tượng hay hình dung được.

Sự Vô minh, mê lầm nó rất tai hại.

Vì sự tai hại này mà đức Phật mới nói không gì đáng sợ bằng Vô minh. Ngài nói không sợ đọa vào địa ngục, làm ngựa quỉ hay súc sanh mà chỉ sợ vào mình thôi. Lý do, vì nếu đọa vào địa ngục thì còn có ngày ra, làm ngựa quỉ hay súc sanh thì còn có ngày chuyển kiếp. **Nhưng nếu Vô minh thì không biết chừng nào mới thoát khỏi luân hồi.** Vô minh hay Si mê nó tai hại không lường được.

Đến đây, câu hỏi được nêu lên là làm sao tránh khỏi Vô minh hay Si mê và vấn đề Si mê, Tham ái, Sân hận được đặt ra như thế nào trong giáo lý của Đạo Cao Đài.

IV- SI MÊ, THAM ÁI, SÂN HẬN TRONG GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.

Si mê, Tham ái, Sân hận là ba ác sau cùng, trong thập ác.

Dù vậy, thuần chất và cường độ của chúng lại mạnh nhất, tàn độc nhất. Đây cũng là ba ác khó tránh nhất, vì thế chúng mới được gọi là **tam độc**.

Thật vậy, với thất giới gồm có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói lời độc ác, người tu nên cố hành trì Giới cấm thì có thể tránh được, mặc dù bốn giới về ngôn khó tránh hơn ba giới về thân.

Nhưng, khó tránh nhất đó là tam độc, nhất là đệ nhất độc Si mê hay Vô minh.

Si mê, mà Đạo Phật gọi Vô minh, là mơ màng mê muội, u mê tăm tối, và nghĩa chính của nó là lầm hay quên.

Nói lầm vì **người Si mê, Vô minh thấy giả cứ cho là thật, thấy vọng cứ tưởng là chơn,**

để rồi từ chỗ mê lầm này mà cứ ung dung tạo nghiệp khiến phải chịu khổ não nổi trôi trong lục Đạo luân hồi.

Nói quên vì người Si mê hay Vô minh không còn nhớ quê hương nguồn cội của mình nữa. Đó là nơi Hóa nhân phải tu để đạt quả, Nguyên nhân cần tu để cứu vị qui hồi, đúng như Đức Cao Thượng Phẩm và Bát Nương thường xuyên giảng Cơ dạy Đạo kể từ năm 1950 đến 1952 với đề tài Bát Hồn và Tam Thể Xác Thân.

Ngoài việc giảng Cơ dạy Đạo của đức Cao Thượng Phẩm và Bát Nương, trong giáo lý Đạo Cao Đài, Si mê còn được dạy qua kinh và nhiều Pháp khác nữa. Như trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, tại Pháp ngày 21-1-1927.

Đức Chí Tôn đã dạy rằng: “Nguồn Tiên, nẻo Phật từ trước đến giờ vẫn chờ kẻ hữu phần, hữu đức, hữu công, tu thân, dưỡng tánh mà lánh khỏi thế đời mê muội này. Biển khổ lắm chơi vơi mà khách phàm hằng đeo đuổi. Đài nghiệt cảnh rọi chẳng biết bao nhiêu tội tình, mà chốn tội tình lắm người đưa chân tìm đến. Kiếp phù sinh không mấy chốc, đời mộng ảo chẳng là bao. Sanh đứng nên người, chen vai vào vòng thế cuộc, có khác chi bị đày vào biển khổ, để làm xong nhân sự đặng chuộc rửa tội tiền khiên. Bao nhiêu tiếng khóc câu cười, thế lộ bước đã mòn mà giấc mộng trần chưa thức tỉnh...”

Quả thật vậy, giữa cuộc thế này, có biết bao nhiêu khách trần vẫn còn mê mà chưa chịu tỉnh. Họ cứ lo đua chen trong vòng thế tục, giữa chốn phồn hoa. Họ không thấy được rằng đời chỉ như là một giấc mộng, giấc mộng Huỳnh Lương nào có khác gì, như Thánh Ngôn đã dạy:

“Huỳnh Lương một giấc cuộc đời in, (1)
Có trí có mưu phải xét mình.

.....
Biết số biết căn tua biết phận,
Đường xưa để bước lại Thiên Đình”

Để có thể trở gót lại Thiên Đình, điều cần thiết là con người phải biết tu hành, mà muốn tu hành được mau tinh tấn, trước tiên người tu phải dẹp được Si mê. Chính Si mê là đầu mối, là nguồn gốc của mọi khổ đau. Vì Si mê mà con người ái thù, chấp hữu.v.v. Một khi đã dẹp được Si mê rồi thì tất cả tâm thức khác cũng theo đó mà chuyển đổi hay rã tan. Người không còn Si mê sẽ không chấp thọ, Tham ái, chấp thủ.v.v. nói rõ hơn, nếu hết Si mê thì con người sẽ không còn tham lam nữa. Mà đã không còn tham lam, không còn chấp thủ, chấp hữu nữa thì chuyện được hay mất còn có ăn thua gì, như vậy làm sao có Sân hận do được vui, mất buồn để tạo ra nghiệp chướng, làm sao để có cảnh “Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai”.

Vậy, tránh được Si mê là tránh được tất cả. Sẽ không còn tham, sân gì cả. Nhưng muốn tránh được Si mê thì phải làm sao? Điều duy nhất và cần thiết là người tu phải có Chánh kiến. Như vậy Chánh kiến là gì và làm sao để có được Chánh kiến

*** Chú thích:**

(1) Giấc mộng Huỳnh Lương: Kể lại một câu chuyện liên quan đến một thư sinh tên Lư Sanh vào đời Đường. Lư Sanh đi thi bị rớt. Trên đường về quê, Lư Sanh ghé vào một quán bên đường. Trong lúc nằm chờ cơm chín để ăn, Lư Sanh ngủ quên. Trong giấc ngủ, Lư Sanh thấy mình lấy được vợ giàu sang đẹp đẻ, thi đậu Trạng Nguyên làm quan lớn, đi dẹp giặc, danh tiếng lừng lẫy. Sau khi dẹp loạn xong, Lư Sanh trở về triều. Thấy quan Tế Tướng đương thời là Lý Lâm Phủ lạm quyền Lư Sanh dâng sớ hạch tội, Tế Tướng Lý Lâm Phủ bị cách chức. Làm quan tại triều, Lư Sanh được nhà vua trọng vọng. Lư Sanh có đủ con trai con gái; gái thì lấy chồng phải chỗ, trai làm quan đến phẩm tột bậc. Lư Sanh sống đến 80 tuổi và cháu trai cháu gái không thiếu gì. Bỗng có tiếng khua mạnh, Lư Sanh giật mình thức dậy mới hay đó chỉ là một giấc chiêm bao và nôi kê nấu hồi anh ta còn thức bây giờ hãy chưa chín. Vì vậy nên mới có câu “Giấc Huỳnh Lương chưa chín một nôi kê”, ý nói giấc mộng ngắn ngủi và cuộc đời của con người cũng giống như giấc mộng vậy.

V- CHÁNH KIẾN.

Đến đây câu hỏi được đặt ra là tại sao Chánh kiến có thể dẹp được Si mê, Tham ái và Sân hận? Làm sao để có được Chánh kiến và Chánh kiến là gì?

A- ĐỊNH NGHĨA CHÁNH KIẾN.

Chánh kiến là sự thấy biết đúng, khác với tà kiến. Nói rõ hơn, Chánh kiến là cái thấy, cái biết chơn chánh, đúng với sự thật, đúng với chơn lý. Người có Chánh kiến là người thấy được sự thật, thấy được chơn lý, thấy được Đạo. Đây là cái thấy, cái biết bắt đầu đưa khách phàm phu trở nên Hiền hay Thánh.

B- LÀM SAO ĐỂ CÓ ĐƯỢC CHÁNH KIẾN.

Như vừa nói trên, Chánh kiến là yếu tố tâm linh vi diệu có thể đưa người phàm phu trở nên Hiền hay Thánh. Vì thế, đối với người tu, điều quan trọng trước tiên là phải có Chánh kiến nếu muốn được siêu thăng hay giải thoát. Như vậy, để có được Chánh kiến người tu phải làm gì.

1)- Thứ nhất là phải giữ gìn Giới cấm:

Người tu mà không nghiêm chỉnh hành trì Giới cấm thì chẳng khác nào em bé học trò muốn gạch giấy mà chẳng có cây thước vậy. Thí dụ này mới nghe qua có vẻ ngây ngô thô kệch nhưng thật ra nó diễn tả đúng thực trạng. Biết bao nhiêu tu sĩ bỏ Đạo mà người đời hay gọi là “nhảy rào” hay hoàn tục. Biết bao nhiêu thiền khách dù cố công thiền tập nhưng Giới cấm chẳng giữ gìn cứ để tâm vọng động, chạy theo trần cảnh để rồi từ đó vọng tưởng ào ạt nổi lên làm cho tâm tán loạn đảo điên sanh ra ngã dục mà người đời thường bảo tu thiền điên hay tẩu hỏa nhập ma.

Giới cấm quan trọng như thế. Vậy người tu phải cố gắng giữ gìn.

Do giữ gìn Giới cấm nghiêm ngặt, không có nghĩ quấy, nói quấy hay làm quấy mà người tu mới không bị chao đảo hay lo âu tán loạn. Vì không bị tán loạn hay chao đảo nên người tu vẫn bình tĩnh. Đó là do giữ được giới mà có bình tĩnh và đi lần đến định. Rồi lại chính nhờ bình tĩnh hay có Định mà người tu đạt đến sáng suốt hay Huệ. Đây là một chuỗi dài tâm thức liên tục tự nhiên vì có ai tâm tư nóng giận, tán loạn mà sáng suốt được bao giờ. Chỉ có Định hay bình tĩnh mới đem lại sáng suốt được. Nói khác hơn nhờ bình tĩnh hay đạt được định nên người tu có được sáng suốt hay đạt được huệ, mà người ta thường bảo giới, định, huệ là vậy.

Cuối cùng, từ huệ hay nhờ có sáng suốt mà con người phát triển được Chánh kiến. Nói rõ hơn, Chánh kiến chỉ có khi nào con người giữ được giới và lo tu để có định, huệ. **Chánh kiến không khi nào đến với bất cứ ai phạm giới, tâm tư rối ren tán loạn rồi sanh ra u mê tăm tối tức Vô minh.**

Tóm lại, muốn có Chánh kiến, điều cần thiết và quan trọng trước tiên là phải giữ gìn Giới cấm.

2)- Phải gần người hiền đức hay là thiện tri thức. Phải lắng nghe và thường xuyên tụng đọc Giáo lý, Kinh, Cơ, Luật, Luận.

- **Thứ nhất:** như người đời thường nói “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.”, có nghĩa bất cứ ai nếu thường gần thiện tri thức, tức người hiền lành, hiểu Đạo, làu thông kinh cơ, giáo lý thì chắc chắn trí tuệ người đó sẽ được thắp sáng thêm hơn để giúp cho họ thấy được đâu là thật, đâu là hư, đâu là chơn lý, và như vậy mới có được cái thấy với Chánh kiến.

- **Thứ hai:** do tụng đọc kinh, cơ, lắng nghe giáo lý, người tu sẽ tự thắp sáng được “văn huệ” của mình. Chữ văn ở đây có nghĩa là nghe, cùng một nghĩa với chữ văn trong câu “phản văn

văn tự tánh”, một giáo Pháp để đạt Đạo của đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Từ “Văn huệ” có được nhờ cố công lắng nghe giáo lý tụng Kinh, Cơ, người tu sẽ đạt đến “tư huệ” đó là thực hành hạnh tư duy quán tưởng chân lý đã hiển lộ qua Kinh, Cơ để mà lo tu. Tu mà luôn cận kề “Văn huệ, thường xuyên tư duy quán tưởng “Tư huệ” thì người tu sẽ đạt đến “Tu huệ”. “Tu huệ” là giai đoạn chót, do cố công tinh tấn tu tập hành trì văn huệ và tư huệ để rồi tìm lại được huệ căn của chính mình. Riêng Chánh kiến, ngay từ bước đầu, khi “Văn huệ” được bồi đắp, và xuất hiện thì Chánh kiến cũng đồng thời hiển lộ với huệ văn. Nói rõ hơn, không phải đợi đến khi tu hoàn toàn phát được huệ căn người tu mới có được Chánh kiến, mà Chánh kiến xuất hiện ngay từ khi văn huệ bắt đầu, tức sau khi người tu biết lắng nghe giáo lý, cố tìm hiểu nghĩa lý và thường xuyên tụng đọc Kinh, Cơ, Luật, Luận.v.v.

C- THẾ NÀO GỌI LÀ CÓ ĐƯỢC CHÁNH KIẾN.

1)- Thấy Nhân quả:

Người có Chánh kiến là người trước tiên thấy được lý nhân quả.

Lý nhân quả ngày nay đã trở thành một định luật hiển nhiên và người thấy được lý nhân quả đó là người thấy được sự thật, thấy được chân lý, là cái thấy với Chánh kiến

2)- Thấy Ngôn, Ngã, Pháp không thật:

a- Danh Ngôn: Người còn chấp ngôn, chấp ngã, chấp Pháp là người còn Si mê. Phải phá chấp được danh ngôn, phá chấp được tướng ngã, tướng như, thấy được tâm chơn tâm vọng thì lúc đó con người mới hoàn toàn sống được với Chánh kiến. Dù vậy, đầu tiên khi đến với “văn huệ” tức lắng nghe giáo lý kinh kệ, con người thấy được vô ngã và đó cũng là lúc con người bắt đầu sống với Chánh kiến

Về danh ngôn không thật - và để phá chấp danh ngôn - một phần đã được trình bày ở mục “Những nét vi tế về giới và ngôn ngữ, vọng ngữ trong giáo lý Đạo Cao Đài”. Dù vậy, nhằm cũng để tiếp tục chứng minh danh ngôn không có thực tướng, không thật và không phải là sự thật, xin được kể tiếp ra đây một câu chuyện như sau:

Tại một thôn nọ có một ngôi chùa, mà người trụ trì là một vị kheo Đạo cao đức trọng. Ông gìn giữ Giới cấm rất nghiêm nhặt và cố gắng công phu thường nhật đầy đủ. Người trong thôn rất kính nể ông, gọi ông là “Ông Phật sống”.

Bỗng một hôm nọ, có một cô gái trong thôn có chữa hoang rồi sanh con và câu chuyện xảy ra cũng gần tương tự như chuyện Quan Âm Thị Kính vậy. Cô gái ấy nói rằng đứa bé đó là con của ông sư và mẹ của cô ta mang đến bỏ trước cổng chùa để giao cho ông.

Ông sư âm thầm nhận đứa bé, không cải chính không thanh minh, và hằng ngày đi khất thực ông ẵm đứa bé theo để ra thôn làng xin cho bé tét. Bây giờ dân trong làng không còn gọi ông là Phật sống nữa mà gọi ông là “Ông Phật chết”. Dù được gọi thế nào đi nữa, ông vẫn âm thầm lo tu hành và nuôi dưỡng đứa bé.

Bỗng một ngày nọ, cha ruột của đứa bé đi xa từ lâu nay trở về làng và đến chùa xin nhận đứa con. Lúc đó mọi người mới chưng hững, mới biết rằng nhà sự bị hàm oan và mới thấy rõ rằng ông không phải là Phật chết mà quả là Phật sống thật sự. Vậy cuối cùng họ vui mừng, và tất cả đều kêu ông là “Ông Phật sống” trở lại.

Câu chuyện trên đây một lần nữa cho thấy danh ngôn không thật và cũng không phải là sự thật. Danh ngôn không có thực thể, tức thực hữu nội tại chắc chắn trường cửu, và danh ngôn chỉ là giả lập, giả danh tạo thành giả tướng chớ không cố định, chỉ tương đối mà thôi. Danh ngôn hay lời nói hoàn toàn do duyên hợp chớ không có tự tánh tức bản tánh thực sự của nó là không. Nó hoàn toàn hữu lậu mà bất cứ cái gì hữu lậu thì phải thành, trụ, hoại, không hay sinh, trụ, di, diệt.

Tóm lại, đối với người tu, vấn đề quan trọng trước tiên là phải làm sao phá chấp được danh ngôn. Có phá chấp được danh ngôn thì phiền não khổ đau mỗi dứt được, mới có thể thấy được thực hư, chơn vọng, thấy được thể nào là Chánh kiến. Chính nhờ phá chấp được danh ngôn mà nhà sư trụ trì mới giữ được tâm thanh tịnh trước bao nhiêu thăng trầm trần thế. Gọi ông là "Phật sống" chưa hẳn là vui. Gọi ông là Phật chết chưa hẳn là buồn. Rồi gọi trở lại ông là Phật sống thì cũng thế thôi. Ông vẫn là ông. Tâm ông vẫn thanh tịnh, tử bi và hỉ xả.

Danh ngôn hay lời nói nào có cắt được da, xẻ được thịt, làm cản trở bước đường tu của ông đâu. Đó là nhờ ông có được Chánh kiến, thấy được lẽ thật sự thật nên phiền não khổ đau không làm sao vấy hãm ông được và đường tu của ông vẫn rộng mở thênh thang. Đó là nhờ ông giữ được sự tịch tĩnh mà tránh được hiểm họa của đa ngôn, đúng như lời của Đức Lão Tử đã nói với chương 5 của Đạo Đức Kinh là: "Đa ngôn sắc cùng, bất như thủ trung". Nghĩa là muốn đến được với Đạo thì điều cần thiết là phải giữ tâm khẩu tịch tĩnh, không phân biệt, không chấp trước, không nhị ngã, nhị nguyên, hành bất ngôn chi giáo, tức cứ làm đừng nói vì càng nói càng đa ngôn thì chỉ cốt mang lại phiền não, khổ đau và khổn cùng cho mình thôi.

Thấy được, hiểu được và làm được như lời Đức Lão Tử dạy, đó là không đa ngôn, và do không đa ngôn mà mình giữ được Đạo Trung Dung để tránh cho mình Si mê, Tham ái và Sân hận, cũng như mọi khổ đau và phiền não. Đó cũng đúng là có Chánh kiến nên phá chấp được danh ngôn. Rồi càng phá chấp được danh ngôn thì càng làm tăng trưởng Chánh kiến

b- Ngã hay Thân:

Theo thường tình, người ở thế gian ai cũng quý trọng thân mình. Mỗi một con người tự coi mình là một trung tâm vũ trụ mà tất cả sinh vật hay vật thể chung quanh chỉ là phương tiện để thỏa mãn cho trung tâm vũ trụ đó mà thôi. Đây cũng là một lý thuyết triết lý phát nguồn ở Tây Phương được trình bày qua triết thuyết gọi là Epiphénomélogie.

Lý thuyết triết lý vừa nói không phải chỉ là một lý thuyết suông thôi đâu mà đó là cách sống của phần lớn con người trần thế, nhất là những người thiếu căn cơ và những người không có tâm tìm về với Đạo.

Thật vậy, chỉ vì thiếu căn cơ và chỉ vì Tham ái, bám víu, đa dục để rồi phải bị bao vây bởi ngũ dục, lục trần nên nhiều khách phàm đã đánh mất cái tâm nguyên ủy, cái tâm bất sinh của mình để rồi không còn có chút chơn tâm biết tìm đường về với Đạo. Các vị trên đây quý trọng cái thân mình hơn tất cả mọi thứ trên đời mà đã quên rằng thân này chỉ giả tạm thôi. Nó chỉ huyền hóa thôi, có nghĩa là nó có nhưng chỉ có một thời gian rồi hoại, chớ nó không có thực tánh, không có thực hữu nội tại vĩnh cửu, thường hằng. Nói rõ hơn, nó không có thực tánh mà chỉ có giả tướng tạm thời thôi, tức nó hữu vi và hoàn toàn bị chi phối bởi luật vô thường là sinh, lão, bệnh, tử vậy.

Để chứng minh cho sự giả tạm này, trong giáo lý Đạo Cao Đài, Đức Hộ Pháp qua nhiều lần thuyết Đạo đã chỉ rõ tự tánh huyền hóa giả tạm của thân.

Đức Ngài nói: "Ôi! Kiếp sanh tại thế mang xác thịt, hỏi sống được mấy lát! Nội một giấc thức, giấc ngủ là thấy sự chết sống của kiếp con người, mang thi hài bóng dáng này là GIẢ. Cảnh thiệt không phải ở đây, mà cảnh thiệt ở nơi chỗ khác kia. Sao không tìm cảnh thiệt là cảnh tồn tại, lại chạy theo bóng?" (Thuyết Đạo đêm 1 tháng 2 Mậu Tý /1948 tại Đền Thánh).

Hơn thế nữa, Ngài còn nói thêm: "...Ví như mỗi phen có một đám xác đi qua, thì dường như người quá cố nhắc nhở chúng ta một điều gì? Người chết ấy nói với ta rằng: "Tôi đi đây là đến cảnh thiệt, còn quý Ngài ở lại đó là cảnh giả đa nghe!" và Ngài dặn con em ngài "phải sáng suốt đặng phân biệt thiệt giả, mới bền giữ cơ nghiệp thiêng liêng, chớ đời sống phàm gian là một khổ hải đa nghe." (Thuyết Đạo tại Đền Thánh, thời Tý đến 19 tháng 2 năm Mậu

Tý / 29-3-1948).

Qua những lời dạy nêu trên, Đức Ngài kêu gọi con em của Đức Ngài phải sáng suốt để thấy được thật giả, nghĩa là nếu chưa hành trì được tư huệ và tu huệ để hoàn mỹ huệ căn thì ít nhất cũng đừng quên văn huệ, vì văn huệ tức sự lắng nghe giáo lý, Kinh, Cơ, Luật, Luận sẽ giúp người tu có được Chánh kiến, mà có Chánh kiến là thấy được sự thật, là thoát khỏi được **Si mê, đê nhút độc trong tam độc** đã làm cho con người bị miên man trôi nổi trong dòng luân hồi, không dừng, không dứt.

Cũng vậy, như những gì Đức Hộ Pháp đã dạy, Thiền Sư Vạn Hạnh vào thời nhà Lý trước kia cũng có làm một bài kệ biểu lộ quan điểm của Ngài về nhơn thân hay tự ngã huyền hóa tạm bợ của con người. Ngài nói như sau:

“Thân như điện chớp hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu thò.”

Nghĩa là cái thân của con người có gì là bền bỉ đâu. Có người mới thấy đó thể rồi mất đó. Nó mong mạnh như làn điện chớp, như giấc mộng dài, có rồi mất, chẳng khác nào mùa xuân cây cối tươi tốt thể rồi lại úa tàn lúc thu sang. Thế sự hay cuộc đời cứ hết thịnh đến suy và mọi sự thịnh suy cũng chỉ là giả tạm mà thôi. Thịnh suy nào có khác chi hạt sương buổi sớm, long lạnh trên đầu cây ngọn cỏ để rồi khi mặt trời lên thì tan đi và biến mất.

Nếu người tu thấy được cuộc đời như vậy, thân con người như vậy, như điện chớp có rồi không thì cái thấy đó chính là Chánh kiến nghĩa là thấy biết sự thật. Nói khác hơn, nhờ có Chánh kiến người tu sẽ rời được vọng để trở về chơn, bỏ hư về thật, thoát khỏi được Si mê; mà nếu không còn Si mê thì Tham ái và Sân hận sẽ rã tan cũng như Vô minh khi đã diệt được thì một chuỗi dài của Thập Nhị Nhân Duyên là hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử cũng sẽ lần lượt và tuần tự rã tan tất cả.

c- Pháp:

Chữ Pháp ở đây có nghĩa là mọi sự, mọi vật trên thế gian này.

Theo giáo lý Đạo Cao Đài qua đàn Cơ đêm 29-12-1926 thì “các Pháp thế gian đều vô thường không bền, hay bị hư hỏng hoặc tan hoại ngay sau khi con người bị cướp mất sự sống”.

Cùng với ý nghĩa này, để chỉ sự thành, trụ, hoại, không của vạn Pháp thế gian mà trong một đàn Cơ khác vào ngày 26 tháng 6 năm Bính Dần (4-8-1926). Đức Chí Tôn có dạy như sau:

“Thầy đã khiến các con đi Đế Thiên Đế Thích đặng xem cho tạng mặt hữu hình nơi thế gian này, ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con thấy nó bền vững được chăng? Lòng Đạo đức con Thầy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến, Thầy không muốn các con hao tài, tổn của mà giữ gìn sự giả dối”.

Qua hai Pháp trên Thầy đã dạy rằng tất cả những gì trên thế gian hể hữu hình thì hữu hoại. Chúng vô thường chớ không trường cửu vĩnh hằng.

Cũng vậy, giáo lý nhà Phật cũng có những lời dạy trên.

Theo kinh Kim Cang thì bất cứ cái gì hể có hình có tướng đều là mọi Pháp thế gian có rồi mất, sinh rồi diệt. Chúng như mộng, như huyền, như bọt, như bóng, như làn điệu chớp, như hạt sương mai vừa le lói rồi vụt tan biến dưới ánh mặt trời.

Nói khác hơn, chúng đều vô thường và không thoát khỏi luật hữu vi thành, trụ, hoại, không hay sinh, trụ dị diệt, được diễn đạt qua câu nói của Đức Phật như sau: “Nhất thiết hữu vi Pháp như mộng, huyền, bào, ảnh, như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán”.

Tóm lại, theo giáo lý Đạo Cao Đài cũng như giáo lý nhà Phật thì vạn vật trên đời đều vô thường. Ai thấy được như vậy là người có Chánh kiến là người thấy sự thật, thấy rõ

cái “bồn lai vô nhất vật” ở thế gian, thấy rõ công danh, phú quý nào khác chi một giấc mộng dài, tan biến mau nhanh như màn sương buổi sáng mà trong Đạo Phật có bài kệ như sau:

“Công danh cái thế màn sương sớm,
Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.
Chẳng biết bồn lai vô nhất vật,
Công phu luống uổng một đời ai”.

Và trong Đạo Cao Đài, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển cũng có dạy rằng:

“Thế trần mộng mị có ra chi,
Giành giựt rồi qua hỏi được gì.
Tốt phước gắng gìn nhơn nghĩa trọn,
Chông gai xa lánh cảnh sầu bi”.

Có nghĩa sống ở trần thế này cũng giống như đang trải qua một cơn mộng mị. Nó có ra chi. Vậy thì con người thôi đừng giành giựt nhau chi, bon chen bám víu làm gì để rồi khi xuôi tay nhắm mắt để cho xác thân này trở về với cát bụi, hỏi vậy chớ con người còn có giữ lại được gì. Bây giờ đây, ngay trong cuộc đời này, nếu ai nhờ có được phước tốt, được “Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn” (Kinh Sám Hối) vậy xin nhớ thương nhơn sanh đồng loại, còn rất nhiều người do căn cơ thiếu kém nên đau khổ vẫn còn vậy thì nên thương yêu nhau, giúp đỡ cứu độ nhau với tất cả tấm lòng, tất cả từ tâm.

Từ tâm là đức tánh mà bất cứ ai cũng cần phải có. Từ tâm và Chánh kiến là hai tâm thể không thể thiếu được đối với người tu. Thiếu từ tâm và không có Chánh kiến, người tu sẽ không khi nào đạt Đạo được. Chính cuộc đời của Đức Phật Thích Ca là một biểu tượng, là hiện thân của từ tâm và Chánh kiến.

Nhờ có từ tâm nên đức Ngài không chấp mà trái lại còn yêu thương, tội nghiệp cho những ai đã gây hại cho Ngài đã mắng chưởi Ngài. Và nhờ có Chánh kiến mà Ngài thấy rõ được rằng thế nhân mỗi một con người đều có căn cơ khác nhau, cũng như ở trong những hoàn cảnh gia đình, văn hóa, xã hội khác nhau vì vậy mà phải có những ý nghĩ, hành động khác nhau, có khi hung dữ gây tai hại cho người khác.

Rồi cũng nhờ có Chánh kiến mà Ngài thấy rõ, danh ngôn là giả lập, thôi chấp làm gì, tướng ngã tướng nhơn đều là giả tướng, vạn vật là vô thường, thôi bám víu làm chi. Chính vì thấy biết như vậy mà Đức Ngài luôn luôn Từ bi hỉ xả, thương yêu tất cả muôn loài và xả bỏ được tất cả mọi bám víu phiền trước thế gian mà câu chuyện sau đây trong cuộc đời của Ngài đã chứng minh điều đó.

Đức Phật Thích Ca thành Đạo năm 31 tuổi và tịch diệt khi Ngài được 80 tuổi (có nhiều sách ghi không hoàn toàn giống nhau nhưng vị chi chỉ khác nhau vài năm).

Trong thời gian 49 năm sống ở thế gian, Ngài là một vị Phật sống nhưng mang xác thân như bao nhiêu phàm nhân khác. Ngài thường đi lại đó đây để phổ độ chúng sanh.

Một lần nọ Ngài đến một tiểu quốc mà phần lớn người nơi đó thuộc Đạo Bà La Môn. Sau nhiều lần nghe Ngài thuyết giảng giáo lý, nhiều tín đồ Ba La Môn cải Đạo và theo Phật giáo. Việc này đã làm cho các vị trong hàng giáo phẩm Ba La Môn rất phiền lòng.

Một hôm, nhân khi Ngài khát thực, một số người có phận sự trong Đạo Ba La Môn đi theo và chưởi Ngài tại sao lại đến đây để giành giựt tín đồ của họ. Mặc dù bị chưởi mắng, Ngài vẫn cũng âm thầm lặng lẽ tiếp tục đi, khi đi đến một ngã ba đường, nhóm người Ba La môn chạy ra trước và chặn đường Ngài lại. Họ hỏi Ngài rằng: “Cù Đàm, chúng tôi chưởi ông, ông có nghe không?”

Đức Phật trả lời là “có nghe”.

Nhóm người Ba La Môn hỏi: “nghe sao ông không trả lời gì hết vậy?”

Đức Phật hỏi nếu tôi trả lời các ông chịu nghe không? Các người Ba La Môn nói nghe và như vậy Đức Phật nói như sau:

“Giả dụ khi nhà quý ông có đám giỗ mời bà con chòm xóm đến dự. Sau khi tiệc tàn thực khách ra về mỗi người được tặng một gói quà bánh. Nhưng có một người khi được quý ông trao cho quà thì không nhận, như vậy gói quà đó thuộc về ai?”

Các vị Bà La Môn đồng nói: “Nếu không nhận thì còn của chúng tôi thôi chớ của ai được”.

Đức Phật bèn nói: “Cũng vậy. Quý ông chưởi tôi nhưng tôi không nhận thì thôi chớ có gì đâu”. Nói xong Đức Phật mỉm cười bỏ đi, để lại đó toàn người Ba La Môn tần ngần tư lự.

Câu chuyện trên cho thấy Đức Phật quả là vị Phật sống khi còn tại thế. Ngài không chấp, vì danh ngôn hay ngã tướng, Pháp tướng, tất cả đều giả lập, vô thường có gì đâu mà phải chấp nê bám víu làm gì. Đó là Ngài đã thấy với Chánh kiến. Hơn thế nữa, Ngài còn sẵn sàng tha thứ và thương yêu tất cả những người đã chưởi Ngài, bước ra đi với nụ cười từ ái, hành xử với tất cả từ tâm.

Từ tâm và Chánh kiến là hai đức tánh không thể thiếu được đối với người muốn đạt Đạo.

Người có từ tâm sẽ luôn luôn vị tha thay vì vị kỷ, chỉ biết có riêng mình. Người có từ tâm đến người khác với lòng từ ái, thường chỉ thấy cái tốt của người khác, muốn mang lại hạnh phúc cho người khác, đó là trước tiên đã tạo được hạnh phúc cho mình rồi.

Người có từ tâm sẽ không bao giờ cô đơn, vì đến với người khác bằng tình thương vị tha, với tấm lòng cởi mở thì sẽ luôn luôn được mọi người đó nhận. Đây là dịp tốt để người tu có từ tâm được nhiều cơ hội tạo nên phước đức.

Nói khác hơn, từ tâm giúp người tu tạo phước, còn Chánh kiến làm phát triển và củng cố Huệ căn. Ta mà có Chánh kiến và từ tâm, đó là **“PHƯỚC HUỆ SONG TU”**, là con đường đi đến đạt Đạo ./.

***Soạn giả:** HT. Lê Văn Thâm (tự Bạch Y).

HẾT